

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TB
TỈNH PT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L1 - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06 /2025/DS-ST
Ngày 20 tháng 6 năm 2025
“V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TB - TỈNH PT

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Bình Luyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Mạnh Cường;

Bà Vương Thị Thu.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh PT.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB, tỉnh PT, tham gia phiên toà:** Bà Hoàng Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh PT, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2024, về việc: “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-DS ngày 10/4/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST-DS ngày 21/4/2025 và số 19/2025/QĐST-DS ngày 21/5/2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Xuân Q1, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn Tân Cường, xã QM, huyện TY, tỉnh YB.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu L1, sinh năm 1983; Địa chỉ: Khu 7, xã ĐX, huyện TB, tỉnh PT.

(Anh Q1, anh L1 có mặt).

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là anh Lê Xuân Q1 trình bày: Anh Q1 làm thợ xây, do có mối quan hệ quen biết làm ăn nên từ ngày 01/02/2023 đến khoảng tháng 7 năm 2023, anh có nhận xây, trát cho công trình mà anh Nguyễn Hữu L1 đang thi công là khu biệt thự liền kề ven suối Con Gái tại xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội với tổng số tiền 323.970.000 đồng, đã tạm ứng số tiền là 138.000.000 đồng, còn nợ lại anh số tiền là 185.970.000 đồng. Giữa anh và anh L1 chỉ có thỏa thuận miệng với nhau để thi công công trình trên. Sau khi hoàn thành công việc như thỏa thuận, anh đã yêu cầu anh L1 trả tiền nhưng anh L1 đã không trả tiền cho anh. Đến ngày 14/4/2024, anh và anh L1 đã viết giấy nhận nợ

tiền công trình với số tiền là 185.000.000 đồng (Tuy thực tế số tiền anh L1 nợ anh là 185.970.000 đồng), anh L1 có hẹn đến ngày 14/7/2024 sẽ trả tiền cho anh nhưng đến nay anh L1 vẫn chưa trả số tiền trên. Do đó, anh đề nghị Tòa án buộc anh Nguyễn Hữu L1 phải trả lại anh toàn bộ số tiền 185.000.000 đồng, anh không yêu cầu anh L1 phải trả tiền lãi phát sinh đối với số tiền trên. Ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

Theo các lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên toà hôm nay bị đơn là anh Nguyễn Hữu L1 trình bày: Anh L1 và anh Lê Xuân Q1 có mối quan hệ quen biết làm ăn. Vào năm 2022, anh có nhận đứng ra thi công công trình là 15 căn nhà biệt thự liền kề ở khu vực Ven Suối Con Gái, thuộc xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội cho công ty cổ phần kỹ thuật xây lắp HT (sau đây gọi tắt là công ty HT), địa chỉ: Số 90, đường La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Các hạng mục anh nhận thi công gồm: Sửa móng, đổ bê tông cốt pha, cốt thép, xây thô và trát bên ngoài căn nhà biệt thự, vật liệu kỹ thuật do công ty cung cấp. Việc thỏa thuận có L1 thành văn bản, đại diện công ty HT là ông Nguyễn Đình Hưng – Giám đốc trực tiếp ký kết hợp đồng với anh theo “Hợp đồng thi công” số 25.10/2022/GKNC/HT ngày 25/10/2022 hạng mục “Xây thô và hoàn thiện mặt ngoài biệt thự BT dự án Khu biệt thự Ven Suối Con Gái”. Sau đó anh trao đổi bằng miệng với anh Lương Văn Minh, anh Lê Xuân Q1, Hoàng Công Tình và Đỗ Đăng Bình để thi công công trình. Anh đã giao khoán các hạng mục cụ thể cho anh Q1 cho xây 04 căn biệt thự, thời điểm thi công khoảng tháng 5 năm 2023, nhưng chưa hoàn thành, anh Q1 mới hoàn thành: xây được khoảng 85% trát, ốp lát được khoảng 50% khối lượng của 04 căn.

Đến ngày 14/4/2024, các anh Lương Văn Minh, anh Lê Xuân Q1, Hoàng Công Tình và Đỗ Đăng Bình đã cùng anh đến gặp giám đốc công ty HT để yêu cầu xác nhận khối lượng, nhưng đại diện công ty trốn tránh, trì hoãn không gặp. Sau đó các anh Lương Văn Minh, Lê Xuân Q1, Hoàng Công Tình và Đỗ Đăng Bình gây sức ép, bắt anh phải ký xác nhận khối lượng thi công tạm thời tính đến thời điểm ngày 14/4/2024, trong đó rất nhiều khối lượng thi công thực tế chưa xác nhận với công ty. Quá trình thi công có bị sai, hỏng phải đập phá đi, chậm tiến độ nhưng chưa xác định được khối lượng bị hư hỏng và số tiền phạt với công ty. Việc ký xác nhận trong “Giấy nhận nợ tiền công trình” ngày 14/4/2024 đối với anh Lê Xuân Q1 là 185.000.000 đồng là đúng chữ ký chữ viết của anh, tuy nhiên số tiền trên là số liệu chưa chính xác, hơn nữa do sức ép từ các anh Minh, Q1, Tình, Bình nên anh mới phải ký xác nhận như vậy.

Bản thân anh hiện nay không đòi được tiền công ty HT nên không có khả năng chi trả cho anh Q1. Nay anh không đề nghị đưa công ty HT vào tham gia tố tụng mà chỉ muốn đề nghị anh Q1 cùng phối hợp với anh để đến công ty HT yêu cầu đại diện công ty có mặt tại các công trình để tiến hành nghiệm thu, xác định khối lượng đã thi công. Tôi không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh Q1.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã có công văn số 13/CV-TA ngày 21/01/2025; Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 12/2025/QĐ-

CCTLCC ngày 21/01/2025 và Công văn số 29/CV-TA ngày 24/02/2025 về việc yêu cầu Công ty cổ phần kỹ thuật xây lắp HT cung cấp thông tin trong vụ án đối với các nội dung: “1. “Hợp đồng thi công” số 25.10/2022/GKNC/HT ngày 25/10/2022 hàng mục “Xây thô và hoàn thiện mặt ngoài biệt thự dự án Khu biệt thự Ven Suối Con Gái” giữa Công ty HT và anh Nguyễn Hữu L1 đã tiến hành nghiệm thu và bàn giao công trình chưa? Công ty HT đã thanh toán hợp đồng cho anh Nguyễn Hữu L1 chưa? Thời điểm hiện nay, giữa Công ty HT và anh Nguyễn Hữu L1 có khoản tiền nào chưa thanh toán liên quan đến hợp đồng thi công trên hay không?”

2. Việc anh Nguyễn Hữu L1 thuê các anh Lê Xuân Q1, anh Lê Xuân Q1, anh Hoàng Công Tình và anh Đỗ Đăng Bình để thi công các hạng mục “Xây thô và hoàn thiện mặt ngoài biệt thự dự án Khu biệt thự Ven Suối Con Gái” thì Công ty HT có biết hay không?

3. Công ty HT có làm việc trực tiếp với các anh Lê Xuân Q1, anh Lê Xuân Q1, anh Hoàng Công Tình và anh Đỗ Đăng Bình để thực hiện thi công các hạng mục “Xây thô và hoàn thiện mặt ngoài biệt thự dự án Khu biệt thự Ven Suối Con Gái” hay không?” Tuy nhiên, không nhận được kết quả trả lời từ Công ty cổ phần kỹ thuật xây lắp HT.

* *Tại phiên tòa:* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB phát biểu về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Xuân Q1, buộc anh Nguyễn Hữu L1 phải trả lại cho anh anh Lê Xuân Q1 số tiền còn nợ theo giấy nhận nợ ngày 14/4/2024 là 185.000.000 đồng (Một trăm tám mươi lăm triệu đồng).

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự và quan điểm của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Bị đơn có địa chỉ tại huyện TB, tỉnh PT. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh PT.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào giấy nhận nợ tiền công trình. Tòa án đã thụ lý và xác định mối quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định: Xuất phát từ việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng dịch vụ, hình thức thỏa thuận miệng giữa anh Lê Xuân Q1 và anh Nguyễn Hữu L1 về việc thi công xây, trát công trình xây dựng. Đến ngày 14/4/2024, nguyên đơn và bị đơn đã xác L1 Giấy nhận nợ tiền

nhân công công trình, nội dung thỏa thuận xác định rõ khối lượng công việc đã thi công, số tiền đã tạm ứng (đã trả), số tiền còn lại phải trả và thời hạn thanh toán nợ. Nay anh Q1 yêu cầu Toà án buộc anh L1 phải trả nợ tiền công trình trình. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là vụ án dân sự: “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*” theo quy định tại Điều 513 của Bộ luật Dân sự.

[2]. *Về nội dung*: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định: Từ tháng 02 năm 2023 đến khoảng tháng 7 năm 2023, anh Lê Xuân Q1 nhận gia công cho công trình mà anh Nguyễn Hữu L1 đang thi công, cụ thể là làm xây, trát tại công trình khu biệt thự liền kề ven suối Con Gái tại xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội. Sau khi hoàn thành công việc như thỏa thuận, anh L1 không thanh toán đủ tiền công cho anh Q1. Đến ngày 14/4/2024, anh Q1 và anh L1 đã viết giấy nhận nợ tiền nhân công công trình xác định số tiền anh L1 còn nợ anh Q1 là 185.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là đến ngày 14/7/2024. Đến nay anh L1 vẫn chưa thanh toán cho anh Q1.

Nguyên đơn là anh Q1 yêu cầu anh L1 phải có trách nhiệm trả số tiền đã nợ là 185.000.000 đồng và không yêu cầu anh L1 trả tiền lãi đối với số tiền nợ trên.

Bị đơn là anh L1 thừa nhận có việc L1 giấy nhận nợ công trình ngày 14/4/2024. Tuy nhiên anh L1 cho rằng số tiền 185.000.000 đồng ghi trong giấy nhận nợ là số liệu chưa chính xác, chưa xác nhận với Công ty cổ phần kỹ thuật xây lắp HT và do sức ép từ nguyên đơn, anh Lương Văn Minh, Hoàng Công Tình và Đỗ Đăng Bình nên bị đơn mới phải ký xác nhận như vậy. Anh không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi làm giấy nhận nợ anh Q1 đã ký và ghi rõ họ tên vào mục bên cho vay (cho vay); anh L1 đã ký, ghi rõ họ tên và ghi rõ thời hạn trả nợ là đến ngày 14/7/2024 vào mục bên nhận nợ (bên vay). Quá trình giải quyết vụ án, anh Q1 và anh L1 đều thừa nhận có việc thuê xây, trát công trình và xác L1 giấy nhận nợ nêu trên. Hai bên đều khẳng định chữ ký, chữ viết trong Giấy nhận nợ công trình ngày 14/4/2025 là đúng chữ ký, chữ viết của mình. Anh L1 cho rằng việc xác L1 giấy nhận nợ là do bị ép buộc, đe dọa, tuy nhiên anh L1 không cung cấp được bất kì tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc anh bị đe dọa, ép buộc khi viết giấy nhận nợ tiền công trình. Khi viết giấy nhận nợ hai bên đều có đủ năng lực trách nhiệm dân sự; mục đích và nội dung của giao dịch xác định bên vay, bên cho vay, khoản nợ của anh L1 đối với anh Q1, thời hạn trả nợ, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Mặt khác tại phiên toà anh L1 cũng xác định còn nợ tiền anh Q1 nhưng không nhớ cụ thể là bao nhiêu tiền và đề nghị anh Q1 cùng phối hợp với anh L1 để đến Công ty HT yêu cầu đại diện công ty có mặt tại các công trình để tiến hành nghiệm thu, xác định khối lượng đã thi công bởi hiện nay anh L1 không đòi được tiền Công ty HT nên không có khả năng chi trả cho anh Q1. Tuy nhiên, giấy nhận nợ công trình ngày 14/4/2024 là giao dịch hợp pháp xác L1 theo sự thỏa thuận riêng giữa anh Q1 và anh L1, không liên quan đến Công ty HT, anh L1 cũng đã ký tên và ghi rõ họ tên xác

nhận đối với các số liệu khối lượng đã thi công, số tiền đã tạm ứng và nhận nợ tiền thi công. Hơn nữa anh L1 và anh Q1 cũng xác định chỉ có anh L1 là ký hợp đồng thi công với công ty HT, sau đó anh L1 thuê anh Q1 thi công công trình, anh Q1 không liên quan gì đến công ty HT và không nhất trí với đề nghị của anh L1 nên đề nghị của anh L1 trong vụ án này là không có căn cứ để chấp nhận. Đối với giao dịch dân sự giữa anh L1 và Công ty cổ phần kỹ thuật xây lắp HT là quan hệ pháp luật khác, các bên có quyền yêu cầu giải quyết tranh chấp ở một vụ án khác.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 117, Điều 5133, khoản 1 Điều 519 của Bộ luật dân sự quy định:

“Điều 117. Điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự

1. Giao dịch dân sự có hiệu lực khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác L1;

b) Chủ thể tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện;

c) Mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Điều 513. Hợp đồng dịch vụ

Hợp đồng dịch vụ là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cung ứng dịch vụ thực hiện công việc cho bên sử dụng dịch vụ, bên sử dụng dịch vụ phải trả tiền dịch vụ cho bên cung ứng dịch vụ.

Điều 519. Trả tiền dịch vụ

1. Bên sử dụng dịch vụ phải trả tiền dịch vụ theo thỏa thuận”.

Do đó, có đủ căn cứ để xác định Giấy nhận nợ tiền nhân công công trình ngày 14/4/2024 giữa anh Lê Xuân Q1 và anh Nguyễn Hữu L1 là xuất phát từ hợp đồng dịch vụ. Sau khi thực hiện xong công việc như đã thỏa thuận, anh L1 còn nợ tiền công trình và anh Q1 đã cho anh L1 nợ lại số tiền thi công công trình mà chưa thanh toán lại cho anh Q1. Tuy nhiên, hết kỳ hạn trả nợ theo thỏa thuận từ lâu nhưng anh L1 không trả được tiền cho anh Q1, cũng như không có phương án nào để trả nợ, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên anh Q1 có quyền yêu cầu anh L1 phải trả tiền, đòi tiền theo thỏa thuận là có căn cứ, cần chấp nhận.

Về lãi suất hợp đồng: Do trong hợp đồng các bên không thỏa thuận và nguyên đơn là anh Lê Xuân Q1 không yêu cầu anh L1 phải trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. *Về án phí:* Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[4]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc buộc anh L1 trả cho anh Q1 số tiền 185.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 117, Điều 357, Điều 468, Điều 513, khoản 1 Điều 519 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Xuân Q1.

Buộc anh Nguyễn Hữu L1 phải trả cho anh Lê Xuân Q1 số tiền 185.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Hữu L1 phải chịu 9.250.000 đồng (*Chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả cho anh Lê Xuân Q1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.625.000 đồng (*Bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa số 0000970 ngày 25/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh PT.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TB;
- VKSND tỉnh PT;
- Chi cục THADS huyện TB;
- Các Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bình Luyện